



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

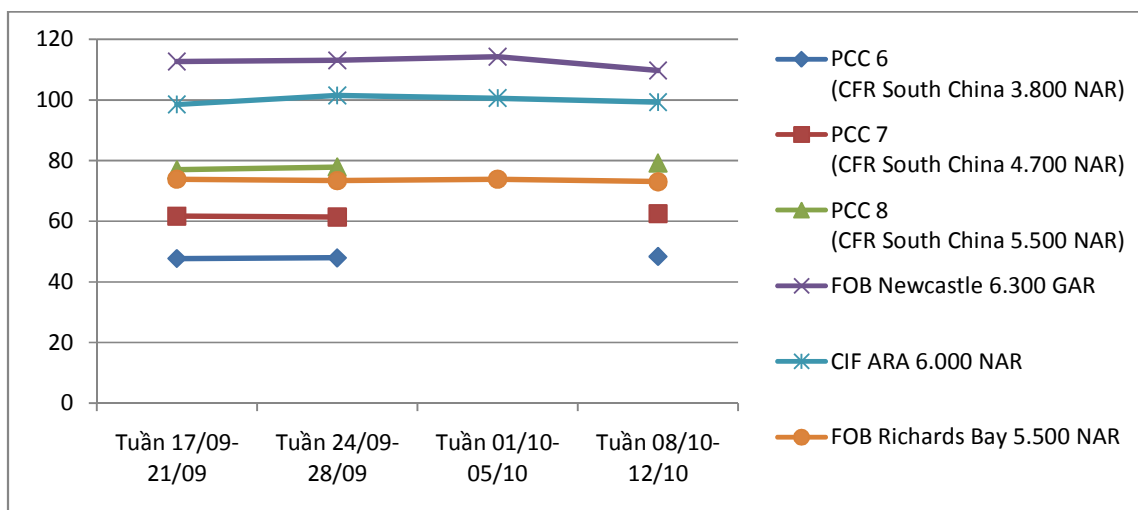
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ BẢN TIN THAN TUẦN 3 – THÁNG 10 (Từ 15/10 – 19/10)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 24/09-28/09	Tuần 01/10-05/10	Tuần 08/10-12/10	Tuần 15/10-19/10
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	47,91	N/A	48,38	N/A
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	61,39	N/A	62,45	N/A
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	77,85	N/A	79,16	N/A
FOB Newcastle 6,300 GAR	113,03	114,19	109,62	N/A
CIF ARA 6,000 NAR	101,45	100,54	99,22	N/A
FOB Richards Bay 5,500 NAR	73,36	73,86	73	N/A
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	113,58	N/A	N/A	N/A



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 3 tháng 10 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 3 tháng 10	15/10	16/10	17/10	18/10	19/10
Tàu Capesize (150,000 tấn)						
1	Úc – Trung Quốc	11,20	N/A	N/A	N/A	N/A
2	Queensland – Nhật Bản	12,95	N/A	N/A	N/A	N/A
3	New South Wales – Hàn Quốc	13,80	N/A	N/A	N/A	N/A
Tàu Panamax (70,000 tấn)						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	15,50	N/A	N/A	N/A	N/A
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	11,35	N/A	N/A	N/A	N/A
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	15,80	N/A	N/A	N/A	N/A
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	9,55	N/A	N/A	N/A	N/A
5	Úc - Trung Quốc	14,75	N/A	N/A	N/A	N/A
6	Úc - Ấn Độ	16,60	N/A	N/A	N/A	N/A

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Giá than điều kiện CIF ARA tăng trong tuần

Giá than giao theo điều kiện CIF ARA tiếp tục tăng nhẹ trong tuần, mặc dù các hoạt động mua bán diễn ra rất ít và mối lo ngại về hoạt động logistic đã ảnh hưởng đến tâm lý thị trường chung. Platts định giá than 6.000 kcal/kg NAR điều kiện CIF ARA ở mức 98 USD/tấn, tăng 60 cents so với giá than ngày thứ 6. Khối lượng than được vận chuyển đến Châu Âu vẫn ở dạng ổn định, tuy nhiên môn nước sông Rhine xuống thấp đã đẩy lên mối lo ngại về việc các NMND sẽ nhập khẩu thêm than bằng cách nào khi nhu cầu tăng cao trong mùa đông. Một nhân viên cảng vận cho biết: “Chúng tôi gặp một số vấn đề về vận chuyển bằng đường ray, và hiện tại không còn toa tàu nào trống”. Việc thiếu hụt toa tàu chở than đã trở thành vấn đề khi các sà lan chỉ chở than với khối lượng rất thấp.

Ngoài vấn đề về logistic, các hoạt động về mua bán trên thị trường than giao lẻ rất hạn chế, do có một nhà máy sản xuất lớn đang thu mua than trong những ngày tới. Trong phiên giao dịch buổi sáng ngày 15/10 trên globalCOAL, hai chuyến hàng than 50.000 tấn đã được giao dịch, hai chuyến hàng trên lần lượt được giao trong tháng 11 và 12 với giá 98 USD/tấn và 98,50 USD/tấn, giá chuyến hàng giao trong tháng 12 cao hơn 50 cents so với một giao dịch tương đương trong ngày thứ 6 (12/10). Sau khi những giao dịch trên được thực hiện, có rất ít hoạt động trao đổi mua bán được ghi nhận, và không có thêm bất kỳ chào hàng hay gói thầu mua than điều kiện CIF ARA nào. Một công ty thương mại Châu Âu cho biết, than Nga được chào bán ở mức chiết khấu 6 USD/tấn so với giá than điều kiện CIF ARA, cao hơn so với mức 5 - 5,5 USD/tấn trong tuần trước.

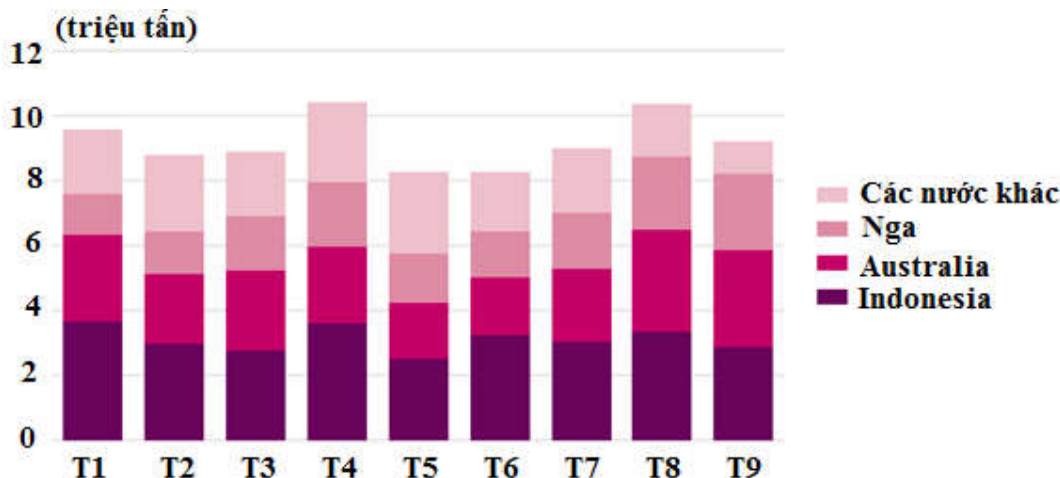
Hàn Quốc nhập khẩu 9,19 triệu tấn than trong tháng 9

Hàn Quốc đã nhập khẩu 9,19 triệu tấn than nhiệt trong tháng 9, giảm 11% so với tháng 8 và 18% so với cùng kỳ năm ngoái, đây là tháng đầu tiên sau hơn hai năm, Hàn Quốc không nhập bất kỳ tấn than nào từ Nam Phi, theo dữ liệu Hải quan đưa ra vào thứ 2 (15/10). Phần lớn lượng than nhập khẩu (8,5 triệu tấn) là than bitum, giảm 5% so với tháng 8, than sub-bitum chiếm 673.415 tấn, giảm 53% so với khối lượng ghi nhận trong tháng 8.

Việc Hàn Quốc giảm nhập khẩu than Nam Phi có thể được giải thích bởi giá than Nam Phi tăng cao kéo dài đến tháng 9. Platts định giá than 5.500 kcal/kg NAR điều kiện FOB Richards Bay ở mức trung bình 87,83 USD/tấn trong cả tháng 6 và tháng 7, và 79,35 USD/tấn trong tháng 8, lên mức đỉnh 90,40 USD/tấn vào ngày 9/7. Ở những mức giá này, nhu cầu mua than Nam Phi giao lẻ là rất thấp do không có tính cạnh tranh ở bất kỳ thị trường nào.

Trong khi đó lượng than Nga nhập khẩu vào Hàn Quốc đã tăng liên tiếp tới tháng thứ 3, đạt mức 2,32 triệu tấn, tăng 5% so với tháng 8 và 25% so với tháng 9 năm ngoái. Đây là khối lượng cao nhất theo tháng kể từ khi S&P Global Platts bắt đầu thu thập dữ liệu trong năm 2012, vượt mức kỉ lục trong tháng 8 trước đó. Lượng than nhập khẩu từ hai nhà cung cấp chính là Australia và Indonesia đều giảm, trong đó than Australia đạt 3,02 triệu tấn, giảm 4% so với tháng 8 nhưng tăng 0,4% so với năm ngoái. Lượng than nhập khẩu từ Indonesia đạt 2,83 triệu tấn, giảm 15% so với tháng 8 và 38% so với tháng 9 năm ngoái. Đối với những nhà cung cấp khác, Canada cung cấp 433.282 tấn, giảm 28% so với tháng 8, nhập khẩu từ Mỹ đạt 223.435 tấn, cao gần gấp ba lần so với tháng 8, nhập khẩu từ Colombia đạt 308.042 tấn, tăng 5% so với tháng 8.

Tình hình nhập khẩu than của Hàn Quốc trong năm 2018



(Nguồn: Hải quan)

Giá than Nam Phi, và giá than điều kiện CIF ARA trong hợp đồng tương lai đều giảm

Giá than Nam Phi trong ngày thứ 2 (15/10) đã giảm nhẹ, lý do chủ yếu do sự sụt giảm giá than 6.000 kcal/kg NAR – chỉ số giá chính để định giá cho than Nam Phi - trong khi thị trường giao lẻ gần như không có hoạt động mua bán nào. Platts định giá than 5.500 kcal/kg NAR ở mức 71,40 USD/tấn, điều kiện FOB Richard Bay, thấp hơn 45 cents so với hôm trước đó. Giá than theo điều kiện CIF ARA trong hợp đồng tương lai bắt đầu ngày giao dịch ở mức cao và giữ vững gần hết ngày trước khi giảm xuống trong những giờ giao dịch cuối cùng. Giá than giảm do ảnh hưởng từ việc giá nhiên liệu tại Châu Âu giảm, cụ thể là giá điện, giá gas và thuế carbon tại Đức. Platts định giá than điều kiện CIF ARA cho năm 2019 ở mức 94,85 USD/tấn, giảm 30 cents so với hôm trước đó.

Sản lượng than từ khu vực Powder River Basin trong quý III đạt 86,6 triệu tấn tăng 18,9% so với quý trước

Sản lượng than khai thác từ khu vực Powder River Basin đã đạt 86,6 triệu tấn trong quý III, tăng 18,9% so với con số 72,9 triệu tấn của quý II và giảm 5% so với con số 91,2 triệu tấn của quý III năm ngoái, theo dữ liệu được thu nhập của Cơ quan An toàn và Sức khỏe Mỏ. Sản lượng than của quý III đạt mức lớn nhất kể từ đầu năm, tiếp theo là quý II với 80,8 triệu tấn.

Mỏ North Antelope Rochelle của Peabody Energy, mỏ lớn nhất trong khu vực này đã sản xuất được 26 triệu tấn than trong quý III, tăng 22% so với quý II và giảm 6,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Mỏ Black Thunder của Arch Coal sản xuất gần 19,4 triệu tấn, tăng 17,7% so với quý II và tăng 0,5% so với quý III năm ngoái, trong khi mỏ Antelope của Cloud Peak Energy đạt sản lượng gần 5,8 triệu tấn, tăng 18,5% so với quý II và giảm 26% so với cùng kỳ năm ngoái. North Antelope Rochelle, Black Thunder, và Antelope là ba mỏ tại khu vực sản xuất than 8.800 Btu/lb. Tổng sản lượng của các khu mỏ trên trong quý III đạt 51,2 triệu tấn than, tăng 19,9% so với quý II và giảm 6,7% so với quý III năm 2017. Sản lượng từ các mỏ than 8.400 Btu/lb đạt gần 35,4 triệu tấn trong quý III, tăng 17,4% so với quý II và giảm 2,5% so với cùng kỳ năm trước.

Trên cơ sở dữ liệu theo từng bang, sản lượng từ mỏ Montana trong quý III tăng 12,5% so với quý II và giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2017. Mỏ Absaloka tại Westmoreland có mức tăng từ quý III so với quý II cao nhất, tăng 33,8% lên 1,1 triệu tấn. Riêng mỏ Decker của công ty Decker có sản lượng giảm so với quý trước, giảm 3,7% xuống còn dưới 1,4 triệu tấn. Các mỏ than tại Wyoming, ngoại trừ ba mỏ than 8.800 Btu/lb, cho sản lượng 27,4 triệu tấn, tăng 18,9 triệu tấn so với quý II và giảm 1% so với cùng kỳ năm ngoái. Các mỏ tại Buckskin của Kiewit Mining đều có mức tăng sản lượng ấn tượng. Trong quý III, sản lượng từ các mỏ này đã tăng 31,9% so với quý II đạt 3,8 triệu tấn, trong khi giảm 19,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

(Nguồn: Platts)